

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2022/HSPT** Ngày  
12 tháng 01 năm 2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Kiều Lương

*Các thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Lê Trang

Ông Dương Lê Bửu Thiện

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Lâm Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Tổng Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 303/2021/TLPT-HS ngày 24 tháng 8 năm 2021, đối với bị cáo Lê H do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 357/2021/HS-ST ngày 28/06/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

*Bị cáo có kháng cáo:*

**Họ và tên:** Lê H, tên gọi khác: không, sinh năm 1970, tại Quảng Trị;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 5, xã X, huyện X, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lê Đ, sinh năm 1933 (chết năm 2022); Con bà: Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1944; có vợ tên Lê Thị Hải H, sinh năm 1971 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1997). Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang tại ngoại. (Có mặt)

*Trong vụ án còn có đại diện hợp pháp cho bị hại, bị đơn dân sự, nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê H (có giấy phép lái xe hạng FC hợp lệ) là tài xế của Công ty trách nhiệm hữu hạn “Quý Trường H” có địa chỉ tại thôn Th, xã T, huyện S, tỉnh Q. Ngày 17/11/2020, H được giao điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 76C-140.17, kéo rơ moóc biển số 51R-231.24 cùng phụ xe Nguyễn Ngọc H, ngụ tại ấp S, xã B, huyện L, tỉnh Đ lưu thông trên quốc lộ 1A từ hướng huyện Tr, tỉnh Đ đi hướng thành phố H để đến tỉnh B chở hàng. Khoảng 12 giờ cùng ngày, khi đang điều khiển xe đi vào đoạn đường giao nhau giữa Quốc lộ 1A với đường hẻm số 370 QL1A, thuộc khu phố 13, phường H, thành phố B thì H không chú ý quan sát phía trước mà quay lại gọi anh H đang nằm ngủ ở băng ghế sau trong cabin nên xe của H đã vượt lên và bánh trước bên phải xe ô tô đầu kéo của H đã va quẹt vào đầu tay lái bên trái xe mô tô biển số 60B1-002.00 do chị Nguyễn Thị Kim Ph, ngụ tại số 3A/70, khu phố 9, phường H, thành phố B đang điều khiển chở chị Nguyễn Thị Ngọc L, ngụ tại số 55/7, khu phố 5A, phường T, thành phố B ngồi phía sau đang lưu thông cùng chiều phía trước. Hậu quả của vụ tai nạn làm chị Ph và chị L té ngã xuống đường và chị L bị bánh sau bên phải xe ô tô đầu kéo của H cán qua người dẫn đến tử vong, còn chị Ph bị xây xát nhẹ. Quá trình điều tra, Lê H khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại kết luận giám định số 2726/KLGD-PC09, ngày 03/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

Dấu vết trượt xước, mài mòn cao su màu nâu đen tại mặt ngoài cùng sau về chần bunn cụm bánh trục 1 bên phải của xe ô tô đầu kéo biển số 76C-140.17 có chiều hướng dấu vết từ trước ra sau, từ phải sang trái hình thành do quá trình va chạm với đầu tay cầm lái bên trái của xe mô tô biển số 60B1-002.00 (trường hợp vết chồng vết).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 345/TT/2020, ngày 02/12/2020 của Trung pháp y tỉnh Đồng Nai đã kết luận nguyên nhân tử vong của chị Nguyễn Thị Ngọc L như sau: đa chấn thương: chấn thương bụng, lưng và vùng chậu gây rách dập da cơ vùng mông, tầng sinh môn; gãy vỡ khung chậu phức tạp nhiều vị trí, gãy rời hoàn toàn đốt sống cùng cụt, đứt thần kinh và mạch máu vùng chậu hai bên, vỡ bàng quang. Thoát tử cung và trực tràng ra ngoài qua vết rách vùng tầng sinh môn.

Đối với chị Nguyễn Thị Kim Ph khi té ngã chỉ bị xây xát nhẹ và không yêu cầu giám định thương tích.

Vật chứng vụ án: Đối với xe ô tô đầu kéo biển số 76C-140.17, kéo rơ moóc biển số 51R-231.24, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn “Quý Trường H”.

- Đối với xe mô tô biển số 60B1-002.00 của chị Nguyễn Thị Kim Ph, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho chị Ph.

Về dân sự: Quá trình điều tra ông Lê Văn H là giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn “Quý Trường H” bồi thường cho gia đình chị Nguyễn Thị Ngọc L 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) và bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim Ph 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Gia đình chị Nguyễn Thị Ngọc L và chị Nguyễn Thị Kim Ph không có yêu cầu gì khác.

Tại bản án số: 357/2021/HSST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã áp dụng điểm a khoản 1 điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lê H 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày đi thi hành án

Ngoài ra bản án còn tuyên về về án phí và quyền kháng cáo theo luật định  
Ngày 08 tháng 7 năm 2021 bị cáo Lê H kháng cáo xin hưởng án treo.

***Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:***

Tại phiên tòa bị cáo Lê H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, không nặng như nội dung kháng cáo của bị cáo đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo trình bày cha bị cáo mới mất vào ngày 11/01/2022 và cung cấp cho hội đồng xét xử 01 đơn xác nhận bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách pháp luật tại địa phương trong thời gian tại ngoại, đây là tình tiết mới, đề nghị hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê H làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm đã nêu. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Mức án mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù là phù hợp với, tính chất mức độ và hành vi của bị cáo đã thực hiện.

[3]. Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

[3.2]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cấp sơ thẩm đã xác định trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện bồi thường chi phí điều trị và mai táng phí cho bị hại được đại diện bị hại có đơn bãi nại và xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện phải nuôi cha mẹ già. Các tình tiết nêu trên được quy định tại điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài những tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa bị cáo trình bày cha bị cáo mới mất vào ngày 11/01/2022 và cung cấp cho hội đồng xét xử 01 đơn xác nhận bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, trong quá trình tại ngoại bị cáo luôn chấp hành chính sách pháp luật tại địa phương, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Đây là những tình tiết mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Căn cứ vào các quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo còn có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng. Do đó, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú quản lý, giám sát giáo dục, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật. Do vậy, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chuyển hình phạt tù sang cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê H; Sửa bản án sơ thẩm số 357/2021/HS-ST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

2. Xử phạt bị cáo: **Lê H 01** (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **24** (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo **Lê H** cho Ủy ban nhân dân X, huyện X, tỉnh Đ, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Bị cáo bị xét xử về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Vấn đề khác: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân huyện TP. Biên Hòa
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa
- Công an TP. Biên Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa
- UBND xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai.
- Lưu: (Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán) (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Kiều Lương**

